TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72/**2024/DS-ST
Ngày: 07/6/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu;

2. Bà Bùi Thị Hồng Lam.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 297/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số : 80/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Hộ kinh doanh Đại lý H**.

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện Hộ kinh doanh:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thùy T1**, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Số C, đường A, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* 1. Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Chị **Lê Thị Hồng T2**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 20/10/2022, Bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh Đại lý H là chị Lê Thị Thùy T1 trình bày như sau:*

Ngày 10/12/2020, anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 có thỏa thuận giao dịch mua thức ăn, thuốc thủy sản của H kinh doanh Đại lý H để nuôi tôm. Đến ngày 27/3/2021, hai bên chính thức ký hợp đồng mua bán với nhau. Theo thỏa thuận thì Hộ kinh doanh Đại lý H sẽ cung cấp các sản phẩm như thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hoá chất cho nuôi trồng thuỷ sản. Quá trình giao nhận hàng hoá thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hoá của mỗi bên. Nguyên đơn sẽ giao hàng tận nhà cho bị đơn, khi nhận hàng thì anh N, chị T2 phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng. Tính đến ngày 31/12/2021, anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 còn nợ H kinh doanh Đại lý H số tiền 146.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu anh N, chị T2 trả nợ nhưng anh N, chị T2 hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả. Do đó, H kinh doanh Đại lý H khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua thuốc, thức ăn thuỷ sản 146.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn N có ý kiến như sau:*

Anh thừa nhận ngày 27/3/2021, anh và vợ là chị Lê Thị Hồng T2 có xác lập Hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với Hộ kinh doanh Đại lý H. Sau đó, do việc nuôi tôm không thuận lợi nên hiện vợ chồng anh còn nợ H kinh doanh Đại lý H số tiền 146.120.000 đồng. Anh đồng ý trả số tiền trên, thống nhất việc không yêu cầu tính lãi của Hộ kinh doanh Đại lý H.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho chị Lê Thị Hồng T2 các văn bản tố tụng nhưng chị T2 vắng mặt không lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù chị T2*

vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị Lê Thị Hồng T2.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn anh Trần Văn N có chấp hành tốt, bị đơn chị Lê Thị Hồng T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành tốt nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Đại lý H đối với anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2. Buộc anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho H kinh doanh Đại lý H số tiền nợ thức ăn là 146.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hộ kinh doanh Đại lý H khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền nợ thức ăn thuỷ sản với số tiền 146.120.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn, Biên bản xác minh địa chỉ cư trú được Công an xã Đ xác nhận thì anh Trần Văn N có đăng ký thường trú tại ấp M, xã Đ, huyện B nhưng không

còn sinh sống tại địa phương và Công an xã V xác nhận thì chị Lê Thị Hồng T2 có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện B và hiện còn đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Hồng T2 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Hồng T2 là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Đại lý H yêu cầu anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 phải trả số tiền nợ thức ăn, thuốc thuỷ sản tính đến ngày 31/12/2021 là 146.120.000 đồng. Cơ sở chứng cứ gồm:

- Hợp đồng mua bán ngày 27/3/2021;

- Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 20/9/2022;

- 01 Sổ tập học sinh ghi nợ tên Trần Văn N có ký tên xác nhận các lần giao hàng, kết nợ.

- 25 Phiếu giao hàng thức ăn, thuốc thủy sản.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn đều xác định đã có giao dịch với anh N, chị Thư từ năm 2020, đến ngày 27/3/2021 thì Hộ kinh doanh Đại lý H có ký xác lập Hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với anh N, chị T2 thời hạn hợp đồng từ ngày 27/3/2021 đến 31/12/2021. Thỏa thuận chậm nhất ngày 20/12/2021 phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho nguyên đơn. Sau khi ký hợp đồng, H kinh doanh Đại lý H đã giao hàng hóa đầy đủ, đúng hạn có chữ ký xác nhận những lần giao nhận hàng. Tính đến ngày 31/12/2021, anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 còn nợ lại số tiền 146.120.000 đồng. Nguyên đơn đã lập Bảng đối chiếu xác nhận công nợ và gửi cho bị đơn, nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không thanh toán.

Xét các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Căn cứ Hợp đồng mua bán ngày 27/3/2021 giữa Hộ kinh doanh Đại lý H với anh N, chị T2 thể hiện Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 có xác lập Hợp đồng mua thức ăn, thuốc thuỷ sản với nguyên đơn và dưới mục Bên mua đều có ký tên và viết đầy đủ họ và tên. Ngày 04/4/2024, Toà án nhân dân huyện Bình Đại có Quyết định về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số: 36/2024/QĐGNTLCC yêu cầu anh N, chị T2 cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc anh N, chị T2 đã trả

xong khoản tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản đối với khoản nợ của H kinh doanh Đại lý H với số tiền nợ là 146.120.000 đồng nhưng bị đơn không cung cấp.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn N thừa nhận ngày 27/3/2021, anh và chị T2 có ký tên xác lập Hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với Hộ kinh doanh Đại lý H và thừa nhận còn nợ đến nay số tiền 146.120.000 đồng. Đây là sự thừa nhận của các bên, là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, H kinh doanh Đại lý H khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản 146.120.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với lời khai bị đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 288, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Hộ kinh doanh Đại lý H khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản ngày 27/3/2021 có đầy đủ chữ ký, xác nhận của anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2. Tại thời điểm xét xử, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn N và chị Lê Thị Hồng T2 vẫn còn. Do đó, yêu cầu anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản của H kinh doanh Đại lý H là phù hợp với quy định tại Điều 280, 288 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Hộ kinh doanh Đại lý H yêu cầu trả tiền vốn, không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Hộ kinh doanh Đại lý H không phải chịu án phí và bị đơn nên anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: 146.120.000 đồng x 5% = 7.306.000 đồng (Bảy triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 288, 351, 353, 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 144, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Đại lý H đối với anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho H kinh doanh Đại lý H số tiền nợ thức ăn, thuốc thủy sản là 146.120.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Trần Văn N, chị Lê Thị Hồng T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 7.306.000 đồng (Bảy triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng).

H1 lại cho H kinh doanh Đại lý H số tiền án phí đã nộp là 3.653.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000488 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. ***Về quyền kháng cáo:*** Hộ kinh doanh Đại lý H, anh Trần Văn N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Hồng T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ